

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 155/2019/HS-PT
Ngày: 15/3/2019.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Tuấn Anh

Các Thẩm phán:

1. Ông Phan Văn Liệt.
2. Ông Phan Thanh Nguyễn.

- Thư ký phiên tòa: Ông Lê Trọng Hưng – Thư ký Tòa án.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa: Bà Hoàng Thị Hà - Kiểm sát viên.

Ngày 15 tháng 03 năm 2019, tại trụ sở Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh xét xử phúc thẩm công khai vụ án hình sự phúc thẩm thụ lý số 567/2018/TLPT-HS ngày 20/12/2018 đối với các bị cáo Nguyễn Văn N và Trần Văn T do có kháng cáo của bị cáo đối với bản án hình sự sơ thẩm số 150/2018/HSST ngày 12/11/2018 của Tòa án nhân dân huyện Hóc Môn, Thành phố Hồ Chí Minh.

Bị cáo có kháng cáo:

1. Trần Văn T; sinh năm 1978; tại: tỉnh LA; nơi đăng ký hộ khẩu thường trú và chỗ ở: ấp Chánh, xã TM, huyện ĐH, tỉnh LA; nghề nghiệp: không; trình độ học vấn: 04/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Trần Vans và bà Trần Thị t; tiền án, tiền sự: không; tạm giữ từ ngày 17/5/2018 đến ngày 26/5/2018 thay đổi bằng biện pháp ngăn chặn “Cấm đi khỏi nơi cư trú”;

- Vắng mặt tại phiên tòa.

2. Nguyễn Văn N, sinh năm: 1986 tại LA. Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: ấp 4, xã MQT, huyện ĐH, tỉnh LA; nghề nghiệp: không; trình độ văn hóa (học vấn) 06/12; dân tộc: Kinh; giới tính: nam; tôn giáo: không; quốc tịch: Việt Nam; con ông không xác định và bà Nguyễn Thị R; tiền án, tiền sự: không; tạm giữ từ ngày 17/5/2018 đến ngày 26/5/2018 thay đổi bằng biện pháp ngăn chặn “Cấm đi khỏi nơi cư trú”;

- Bị cáo tại ngoại - Có mặt tại phiên tòa.

Người bào chữa: Ông Đoàn Trọng Nghĩa - Luật sư của Văn phòng Luật sư Đoàn Trọng Nghĩa – Đoàn luật sư Thành phố Hồ Chí Minh bào chữa cho bị cáo Nguyễn Văn N, có mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Khoảng 18h40' ngày 17/5/2018, Nguyễn Văn N điều khiển xe ô tô biển số 51G-300.xx đi đến cửa khẩu Thoma, N gọi điện thoại rủ Trần Văn T đi cùng, T đồng ý và đi cùng N đến cửa khẩu Thoma đón 02 người khách về huyện BC, tỉnh TN. Trên đường đi, người khách nữ thuê T và N chở thuốc lá về quận TB, Thành phố Hồ Chí Minh với tiền công trả cho N là 400.000 đồng và T là 200.000 đồng. T và N đồng ý, người này lấy số điện thoại di động của T báo cho đối tượng sẽ giao thuốc lá cho N và T để hai bên tự liên hệ địa điểm nhận thuốc lá tại huyện BC, tỉnh TN và địa điểm giao thuốc lá tại BQ, quận TB, Thành phố Hồ Chí Minh. Sau khi 02 người khách xuống xe ở cầu Gò Chai thuộc huyện BC, tỉnh TN, T hướng dẫn N điều khiển xe ô tô đến bãi đất trống thuộc huyện BC, tỉnh TN để nhận thuốc lá. Tại đây, N ngồi trên xe đợi, còn T xuống xe gặp một đối tượng người Campuchia mở cửa sau xe ô tô để người này chất 3.300 gói thuốc lá điều ngoại nhập hiệu Caraven “A” lên xe để chở về BQ, quận TB, Thành phố Hồ Chí Minh, khi đến nơi hẹn sẽ có người gọi điện thoại cho T để hẹn địa điểm giao nhận thuốc lá.

Đến khoảng 21h40' cùng ngày, khi T và N đang điều khiển xe lưu thông trên Quốc lộ 02 - T nhà số 01 ấp HL, xã BD, huyện M thì bị đội Cảnh sát điều tra tội phạm về kinh tế và chức vụ phối hợp với đội Cảnh sát giao thông Công an huyện M phát hiện bắt quả tang.

Tại cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện M, Trần Văn T và Nguyễn Văn N khai nhận hành vi phạm tội như đã nêu trên.

Tại bản án hình sự sơ thẩm số 150/2018/HSST ngày 12/11/2018 của Tòa án nhân dân huyện Hóc Môn, Thành phố Hồ Chí Minh đã tuyên xử:

Tuyên bố các bị cáo Trần Văn T và Nguyễn Văn N phạm tội “Vận chuyển hàng cấm”.

Căn cứ vào điểm e khoản 2 Điều 191; điểm s, h khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 17, Điều 38 Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017);

Xử phạt bị cáo Trần Văn T 02 (hai) năm 06 (sáu) tháng tù. Thời hạn tù tính từ ngày bắt bị cáo chấp hành án, trừ đi thời gian đã bị tạm giữ T từ 17/5/2018 đến 26/5/2018.

Xử phạt bị cáo Nguyễn Văn N 02 (hai) năm 06 (sáu) tháng tù. Thời hạn tù tính từ ngày bắt bị cáo chấp hành án, trừ đi thời gian đã bị tạm giữ T từ 17/5/2018 đến 26/5/2018.

Ngoài ra, bản án còn tuyên về xử lý vật chứng, án phí và quyền kháng cáo theo quy định pháp luật.

Ngày 14/11/2018, các bị cáo Nguyễn Văn N và Trần Văn T kháng cáo đối với bản án hình sự sơ thẩm của Tòa án nhân dân huyện Hóc Môn với nội dung xin giảm nhẹ hình phạt và xin hưởng án treo vì Tòa án cấp sơ thẩm chưa xem xét đầy đủ các tình tiết giảm nhẹ, gia đình có hoàn cảnh khó khăn và là lao động chính nuôi dưỡng mẹ già và con còn nhỏ.

Tại phiên tòa phúc thẩm: Bị cáo Nguyễn Văn N giữ nguyên yêu cầu kháng cáo và bị cáo Trần Văn T đã được triệu tập hợp lệ đến lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt không có lý do.

Trong phần tranh luận, đại diện Viện kiểm sát thực hành quyền công tố sau khi tóm tắt nội dung vụ án, phân tích tính chất, mức độ và hậu quả nguy hiểm cho xã hội do hành vi phạm tội của các bị cáo gây ra cũng như các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự; đã kết luận đủ căn cứ xác định bản án sơ thẩm xét xử các bị cáo Nguyễn Văn N và Trần Văn T về tội “ Vận chuyển hàng cấm” theo khoản 2 Điều 191 Bộ luật hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017) là đúng người, đúng tội, không oan sai. Sau khi xét xử sơ thẩm, các bị cáo kháng cáo trong thời gian luật định, hợp lệ nên cần được xem xét. Riêng bị cáo Trần Văn T đã được triệu tập hợp lệ nhưng vẫn vắng mặt tại phiên tòa nên xét xử vắng mặt và có xem xét về hình phạt đối với bị cáo.

Về nội dung: các bị cáo Nguyễn Văn N và Trần Văn T kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt và hưởng án treo nhưng không có thêm tình tiết giảm nhẹ gì mới, mức án 02 (hai) năm 06 (sáu) tháng tù mà Tòa án cấp sơ thẩm đã tuyên phạt đối với từng bị cáo là phù hợp. Do đó, đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng điểm a khoản 1 Điều 355 Bộ luật Tố tụng hình sự, không chấp nhận kháng cáo của các bị cáo Nguyễn Văn N và Trần Văn T, giữ nguyên bản án hình sự sơ thẩm của Tòa án nhân dân huyện Củ Chi.

Bào chữa cho bị cáo Nguyễn Văn N: Luật sư thống nhất với tội danh và khung hình phạt Viện kiểm sát truy tố nên không tranh luận. Luật sư chỉ phân tích tính chất, mức độ phạm tội và các tình tiết giảm nhẹ để đề nghị áp dụng Điều 54 Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017) xử phạt dưới mức thấp nhất của khung hình phạt và cho bị cáo hưởng án treo cũng không nguy hiểm cho xã hội, tạo điều kiện cho bị cáo tự cải tạo, lao động để chăm sóc mẹ già, con nhỏ.

Bị cáo Nguyễn Văn N không tranh luận bổ sung, chỉ đề nghị xem xét giảm nhẹ hình phạt và hưởng án treo vì bị cáo phạm tội lần đầu, gia đình có hoàn cảnh khó khăn và mong được pháp luật khoan hồng, tạo cơ hội cho bị cáo làm lại cuộc đời.

Căn cứ vào các chứng cứ và tài liệu đã được thẩm tra tại phiên tòa; căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, trên cơ sở xem xét đầy đủ toàn diện chứng cứ, ý kiến của Kiểm sát viên và bị cáo.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Về thủ tục tố tụng: Bị cáo Trần Văn T có kháng cáo đã được triệu tập hợp lệ đến lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt tại phiên tòa không có lý do và sự vắng mặt của bị cáo không gây trở ngại cho việc xét xử. Do đó, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt đối với bị cáo Trần Văn T theo quy định tại điểm d khoản 2 Điều 290 Bộ luật Tố tụng hình sự 2015.

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

Tại phiên tòa, bị cáo Nguyễn Văn N đã khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình cùng Trần Văn T như nội dung bản án sơ thẩm và bản cáo trạng truy tố; phù hợp với các tài liệu, chứng cứ: biên bản bắt người phạm tội quả tang, biên bản thu giữ đồ vật – tài liệu, lời khai người làm chứng, cùng các tài liệu, biên bản về hoạt động tố tụng khác của Cơ quan điều tra đã thu thập có trong hồ sơ vụ án.

Đã đủ cơ sở để kết luận: Vào khoảng 18h40' ngày 17/5/2018, các bị cáo Nguyễn Văn N và Trần Văn T đã rủ rê nhau sử dụng xe ô tô biển số 51G-300.12 làm phương tiện vận chuyển 3.300 gói thuốc lá điều ngoại nhập hiệu Caraven “A” (chứa trong 07 thùng carton) cho một đối tượng là người phụ nữ (không rõ lai lịch) để được trả công hưởng lợi thì bị cơ quan Công an phát hiện bắt quả tang thu giữ cùng vật chứng khi đang điều khiển xe lưu thông trên Quốc lộ 02 - khu vực T nhà 01 ấp HL, xã BD, huyện M, Thành phố Hồ Chí Minh.

Với số lượng hàng cấm là 3.300 bao thuốc lá điều nhập lậu và hành vi vận chuyển của các bị cáo bị bắt quả tang nêu trên, Tòa án cấp sơ thẩm đã tuyên bố và xét xử các bị cáo Nguyễn Văn N và Trần Văn T phạm tội “Vận chuyển hàng cấm” theo quy định tại điểm e khoản 2 Điều 191 Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017) là đúng người, đúng tội, không oan sai.

Sau khi xét xử sơ thẩm, ngày 14/11/2018, các bị cáo Nguyễn Văn N và Trần Văn T có đơn kháng cáo là làm trong thời hạn theo quy định tại Điều 342 Bộ luật Tố tụng hình sự nên được chấp nhận xem xét. Riêng bị cáo Trần Văn T bị xét xử vắng mặt nhưng vẫn xem xét yêu cầu kháng cáo của bị cáo về hình phạt theo nguyên tắc không làm xấu đi tình trạng của bị cáo.

Về nội dung kháng cáo: Xét khi quyết định hình phạt, Tòa án cấp sơ thẩm đã nhận định về các tình tiết giảm nhẹ: các bị cáo phạm tội lần đầu; tại Cơ quan điều tra và tại phiên tòa thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải; phạm tội nhưng chưa gây thiệt hại hoặc gây thiệt hại không lớn. Hội đồng xét xử xét thấy việc Tòa án cấp sơ thẩm áp dụng tình tiết giảm nhẹ “phạm tội nhưng chưa gây thiệt

hại hoặc gây thiệt hại không lớn” theo quy định tại điểm h khoản 1 Điều 51 Bộ luật hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017) khi quyết định hình phạt đối với các bị cáo là chưa phù hợp với quy định của pháp luật. Bởi lẽ, các bị cáo Nguyễn Văn N và Trần Văn T phạm tội “Vận chuyển hàng cấm”, không phải là tội phạm gây thiệt hại về vật chất, thể chất hay tinh thần cho bị hại. Cấp sơ thẩm cần lưu ý rút kinh nghiệm trong việc áp dụng pháp luật.

Đối với tình tiết các bị cáo thuộc thành phần lao động nghèo, phạm tội lần đầu và nhân thân chưa có tiền án, tiền sự, là tình tiết giảm nhẹ theo tại khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017).

Trong vụ án, các bị cáo Trần Văn T và Nguyễn Văn N phạm tội thuộc trường hợp đồng phạm nhưng mang tính giản đơn không có tổ chức, vai trò của các bị cáo là như nhau.

Hành vi phạm tội của các bị cáo Nguyễn Văn N và Trần Văn T là nguy hiểm cho xã hội, xâm phạm đến trật tự quản lý kinh tế và chế độ độc quyền của Nhà nước trong việc quản lý hàng cấm, gây tác động tiêu cực đến đời sống xã hội. Các bị cáo đều có đầy đủ khả năng nhận thức được hành vi của mình là trái pháp luật, nhưng với động cơ vụ lợi vẫn bất chấp sự nghiêm cấm của Nhà nước để cố ý phạm tội, thể hiện thái độ xem thường pháp luật.

Xét tính chất, mức độ tham gia phạm tội của bị cáo đồng phạm và nhân thân các bị cáo, mặc dù có thiếu sót nêu trên nhưng mức án Tòa án cấp sơ thẩm xử phạt các bị cáo Trần Văn T và Nguyễn Văn N, mỗi bị cáo mức án 02 (hai) năm 06 (sáu) tháng tù, là thỏa đáng và mức hình phạt ở đầu khung hình phạt bị áp dụng là không nặng; mới đủ tác dụng để răn đe giáo dục từng bị cáo nói riêng và công tác đấu tranh phòng chống tội phạm chung.

Đối với ý kiến của luật sư bào chữa cho bị cáo Nguyễn Văn N đề nghị về mức hình phạt xử phạt đối với bị cáo Nguyễn văn N là chưa phù hợp với các tình tiết khách quan của vụ án, với quy định của pháp luật như nhận định nêu trên của Hội đồng xét xử nên không có cơ sở để được chấp nhận.

Xét, kháng cáo của các bị cáo Nguyễn Văn N và Trần Văn T xin giảm nhẹ hình phạt và hưởng án treo nhưng tại phiên tòa phúc thẩm không có thêm tình tiết giảm nhẹ gì mới, các tình tiết bị cáo nêu ra đã được xem xét đầy đủ, toàn diện khi quyết định hình phạt nên không có cơ sở pháp luật để chấp nhận đối với yêu cầu kháng cáo của các bị cáo, giữ nguyên bản án sơ thẩm về mức hình phạt đối với các bị cáo Nguyễn Văn N và Trần Văn T và bổ sung căn cứ điều luật áp dụng khi quyết định hình phạt cho phù hợp với quy định của pháp luật.

Về án phí: Do yêu cầu kháng cáo không được chấp nhận nên căn cứ Điều 136 Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015, buộc bị cáo phải chịu án phí hình sự phúc thẩm theo quy định tại Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Các vấn đề khác của bản án hình sự sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị đã có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

+ Căn cứ vào điểm a khoản 1 Điều 355 Bộ luật Tố tụng hình sự 2015.

Không chấp nhận kháng cáo của bị cáo Nguyễn Văn N và Trần Văn T và giữ nguyên bản án sơ thẩm.

Tuyên bố: các bị cáo Trần Văn T và Nguyễn Văn N phạm tội “Vận chuyển hàng cấm”.

+Căn cứ vào điểm e khoản 2 Điều 191; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 17, Điều 58 Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017);

- Xử phạt bị cáo Trần Văn T 02 (hai) năm 06 (sáu) tháng tù. Thời hạn tù tính từ ngày bắt bị cáo chấp hành án (được khấu trừ thời gian đã bị tạm giữ T từ ngày 17/5/2018 đến ngày 26/5/2018).

- Xử phạt bị cáo Nguyễn Văn N 02 (hai) năm 06 (sáu) tháng tù. Thời hạn tù tính từ ngày bắt bị cáo chấp hành án (được khấu trừ thời gian đã bị tạm giữ T từ ngày 17/5/2018 đến ngày 26/5/2018).

Buộc các bị cáo Trần Văn T và Nguyễn Văn N, mỗi bị cáo phải chịu án phí hình sự phúc thẩm là 200.000đ (hai trăm nghìn đồng).